

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 1 (2023-2024)

C. Châu

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22433004] - Kỹ năng thuyết trình
bằng tiếng Anh (CCQ2224LA)
CBGD: Nguyễn Ngọc Châu (240016)

Số SV có mặt: 10..
Số bài thi: ...10....
Số tờ giấy thi:.....

Nguyễn Ngọc Châu

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122240126	Võ Thị Lan	Anh	23/06/2003	CCQ2224LA			8,8	8,2	8,4
2	2122240154	Trần Huỳnh Phúc	Bảo	08/10/2004	CCQ2224LA			9,0	8,1	8,5
3	2122240125	Trần Nguyễn Nhật	Huy	23/02/2004	CCQ2224LA			8,2	7,5	7,8
4	2122240122	Đoàn Trần Gia	Khang	07/10/1999	CCQ2224LA			8,3	7,8	8,0
5	2122240127	Nguyễn Ngô Nhật	Lam	06/12/2004	CCQ2224LA			6,8	7,1	7,0
6	2122240123	Lê Xuân Phương	Linh	10/01/2004	CCQ2224LA			7,7	7,4	7,5
7	2122240130	Huỳnh Nguyễn Trà	My	10/08/2004	CCQ2224LA			8,7	7,5	8,0
8	2122240153	Huỳnh Ngọc Phương	Như	08/11/2004	CCQ2224LA			8,5	8,1	8,3
9	2122240083	Trương Hữu	Quốc	08/10/2002	CCQ2224C			7,8	7,3	7,5
10	2122240124	Huỳnh Thị Bích	Vy	26/12/2003	CCQ2224LA			7,4	5,6	6,3

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

T. Hoàng

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 Giám Viên chấm thi 1 Giám Viên chấm thi 2

Môn học : [22433002] - Kỹ năng thuyết trình
bằng tiếng Anh (CCQ2224C)
CBGD: Hồng Thắng Hoàng (240021)

Số SV có mặt: 20
Số bài thi:
Số tờ giấy thi:

ĐS 20
H. C. Hoàng Thắng Hoàng

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D. QT (40%)	D. Thi (60%)	Điểm HP
1	2122240074	Nguyễn Hoàng Giang	10/03/2004	CCQ2224C			7,0	7,0	7,0
2	2122240096	Phạm Thị Thu Hà	31/07/2004	CCQ2224D			5,3	6,0	5,7
3	2121240146	Nguyễn Hoàng Tuấn Khanh	21/05/2003	CCQ2124E			0	0	0
4	2121240079	Trương Tân Khoa	14/09/2002	CCQ2124C			4,0	8,3	6,6
5	2122240110	Hoàng Thị Mai	10/11/2001	CCQ2224D			6,0	8,7	7,6
6	2122240116	Phạm Quang Minh	29/10/2003	CCQ2224D			3,8	6,7	5,5
7	2122240070	Nguyễn Vũ Hà My	13/05/2004	CCQ2224C			6,0	8,3	7,4
8	2122240079	Hồ Thị Mỹ Nhân	09/09/2004	CCQ2224C			7,0	7,2	7,1
9	2120240195	Trần Cao Quỳnh Như	25/01/2000	CCQ2024G			3,8	7,3	5,9
10	2120240196	Biện Anh Phương	06/01/2002	CCQ2024G			4,5	7,3	6,2
11	2122240148	Hoàng Đặng Thế Tân	01/04/2004	CCQ2224E			3,8	7,5	6,0
12	2122240103	Phan Vũ Thành	20/12/2004	CCQ2224D			6,0	7,3	6,8
13	2122240204	Huỳnh Thị Kiều Thịnh	12/04/2004	CCQ2224C			3,8	7,2	5,8
14	2122240203	Đỗ Thị Thủy	10/11/2001	CCQ2224D			6,5	7,8	7,3
15	2122240082	Phạm Thị Huyền Trâm	16/09/2004	CCQ2224C			6,0	7,0	6,6
16	2121240089	Mai Minh Trí	01/05/2003	CCQ2124C			8,0	8,8	8,5
17	2122240093	Nguyễn Ngọc Phương Trinh	23/06/2004	CCQ2224D			7,0	8,5	7,9
18	2122240063	Đạo Thanh Trường	28/01/2004	CCQ2224C			3,8	7,8	6,2
19	2122240076	Bùi Thị Tuyền Vi	22/10/2004	CCQ2224C			4,3	7,5	6,2
20	2122240198	Nguyễn Thị Tường Vy	13/04/2004	CCQ2224D			0	0	0
21	2122240064	Trương Thị Ngân Vy	01/02/2003	CCQ2224C			5,0	7,7	6,6
22	2122240065	H. Yến	25/11/2003	CCQ2224C			7,0	8,2	7,7